

TỔ CHỨC XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

BÙI THỊ HỒNG LOAN*

Khái quát về người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long

Với diện tích 40.000 km² bao gồm 13 tỉnh, thành phố (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau), đồng bằng sông Cửu Long được hình thành trong quá trình địa chất lâu dài, chủ yếu do sự bồi đắp phù sa của sông Mêkông, hệ thống sông rạch và kênh đào chằng chịt.

Căn cứ vào điều kiện địa lý, môi sinh, lịch sử cư trú của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long có thể cho thấy người Khmer tập trung ở ba vùng chính: vùng tỉnh Trà Vinh, ven biển tỉnh Sóc Trăng và vùng biên giới Châu Đốc kéo dài đến Kiên Giang. Một trong những đặc điểm phân bố dân cư của người Khmer là cư trú co cụm, mật độ dân số tăng nhanh và không đồng đều.

Các loại hình cư trú: Cư trú trên đất giồng; Cư trú trên đất ruộng; Cư trú ven theo kênh và các con lạch nhỏ; Cư trú dọc theo trục lộ giao thông; Cư trú dạng vành khăn ven chân núi.

Tuỳ theo những vùng môi sinh khác nhau mà có những hình thức cư trú khác nhau phù hợp với môi trường.

Trong xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer ngoài gia đình thì “phum” là đơn vị tổ chức nhỏ nhất, còn “sóc” là đơn vị xã hội hoàn chỉnh nhất. Như vậy, cấu trúc của xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long là gia đình “phum – sóc”.

Do sinh sống chủ yếu ở vùng nông thôn với việc canh tác lúa nước là nghề chính, vì vậy đại đa số cư dân Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long là nông dân. Quan hệ kinh tế chủ đạo giữa các thành viên thể hiện chủ yếu trong việc chiếm hữu tư liệu sản xuất, cơ bản là ruộng đất. Ở người Khmer của đồng bằng sông Cửu Long còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu,

* ThS. Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh.

nhưng chế độ sở hữu ruộng đất tư là hình thức chiếm ưu thế. Vì vậy, nhân tố tác động sâu sắc nhất tới cấu trúc và chức năng của “sóc” là sự tồn tại phổ biến của chế độ ruộng đất tư và hậu quả là sự phân hoá giai cấp diễn ra khá sâu sắc từ thời Nguyễn cho tới trước ngày 30 - 04 - 1975.

Canh tác lúa nước là sinh hoạt sản xuất chủ yếu, chiếm hầu hết dân số lao động và đa số diện tích đất canh tác cung cấp 90% nguồn lương thực thực phẩm cho con người cũng như chăn nuôi gia súc của đồng bào. Nghề làm ruộng cổ truyền đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm, kỹ thuật và tập quán trong việc sử dụng đất đai, làm thủy lợi, cày bừa đất, gieo mạ cấy lúa... gắn liền với tàn dư tín ngưỡng và các nghi lễ nông nghiệp làm cho nó mang sắc thái riêng của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trong lịch trình canh tác những vụ lúa, người Khmer có những tập quán riêng. Mặt khác, những tập quán đó thể hiện những kinh nghiệm từ lâu đời của người nông dân Khmer. Qua đó, nó phản ánh những tàn dư tín ngưỡng, những nghi thức đối với các lực lượng tự nhiên chi phối bên ngoài. Các khâu canh tác chính bao gồm: gieo mạ, làm đất, nhổ mạ cấy lúa, thu hoạch. Nhìn chung, thực trạng canh tác nông nghiệp lúa nước của người Khmer tuy tích lũy được nhiều kinh nghiệm, nhưng kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, phụ thuộc nặng vào thiên nhiên, còn bảo lưu nhiều hình thức tín ngưỡng, lễ nghi trong nông nghiệp.

Cấu trúc “phum – sóc” Khmer đồng bằng sông Cửu Long

“Phum – sóc” Khmer và tổ chức xã hội truyền thống của người Khmer Tây Nam Bộ. Sinh tụ lâu đời ở đồng bằng sông Cửu Long, để tồn tại và phát triển, duy trì truyền thống văn hoá tộc người, người Khmer đã tập hợp nhau lại thành những khu vực cư trú và tổ chức thành những đơn vị xã hội tự quản truyền thống với hai thiết chế xã hội là “phum” và “sóc” (srok). Về đại thể, “phum” là đơn vị xã hội nhỏ nhất, “sóc” là đơn vị xã hội hoàn chỉnh của người Khmer do nhiều phum hợp thành. (Vì ở một số nơi như Tri Tôn, Tịnh Biên (An Giang) có mô hình phum lớn, phum nhỏ. Hình thái phum lớn với qui mô hàng trăm nhà, gồm nhiều dòng họ qui tụ, còn phum nhỏ (người Khmer gọi là “Đom pteah” có thể là một đơn vị gia đình nhỏ với mô thức huyết thống tính theo dòng nữ thể hiện dưới một chòm nhà 5-7 căn). Về mặt Nhà nước, xã, ấp là những đơn vị quản lý hành chính ở cơ sở, còn các phum - sóc là những đơn vị xã hội cổ truyền ràng buộc nhau bởi quan hệ phong tục, lễ nghi mà ngôi chùa là trung tâm điều khiển. Theo Thạch Voi, trong “Khái quát về người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long”: “Ở Campuchia không có dạng phum như vậy, người ta cất nhà ở rải rác khắp

nơi. Nếu nơi nào có dạng phum như trên, ấy chính là do người Khmer gốc từ đồng bằng sông Cửu Long lên làm ăn sinh sống lập ra và dù cho ở đến bao nhiêu đời đi nữa thì họ vẫn giữ nề nếp tổ chức phum như thế¹.

Phum trong tiếng Khmer có nghĩa là “đất”, “thổ cư”. Với một nghĩa khác phum là “vườn”. Ý kiến của nhà ngôn ngữ học, GS. Bùi Khánh Thế cho biết từ “phum” trong tiếng Khmer có nguồn gốc từ tiếng Sanskrit “Bhumitra” có nghĩa là đất của bạn bè một vương tử. Trong ngôn ngữ của các nước chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, nó được chuyển nghĩa thành “xứ” chỉ nơi cư trú của một nhóm cư dân nhỏ. Theo Nguyễn Xuân Nghĩa, từ “phum” gốc là tiếng Sankrit “Bhumi” (mảnh đất, đất đai).

Trên thực tế phum là đơn vị cư trú của người Khmer có ít nhất từ một gia đình trở lên (thường là 5 - 7 gia đình, có khi đến 9 - 10 gia đình) có mối quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân với nhau, chủ yếu về phía giới nữ. Thông thường gồm gia đình của cha mẹ và gia đình của các con gái và con rể. Ngoài ra, có thể có thêm một vài gia đình không có quan hệ huyết thống, kể cả gia đình người Hoa và người Việt. Phum được định hình là một khu vườn có lũy tre xanh bao bọc, có cổng trước cổng sau, bên trong là các ngôi nhà và xung quanh các ngôi nhà thường có đồng rom, chuồng trâu bò, nhà tắm, giếng nước, nhà để công cụ sản xuất và những mảnh vườn nhỏ để trồng rau hay cây ăn quả. Riêng phum có đất để trồng trọt hay có vườn tạp, trong đó ngoài đất ở còn có một diện tích đất để làm rẫy hoặc trồng cây. Tùy theo từng phum mà khu vườn có thể lớn hay nhỏ, có khi chỉ một công đất, nhưng thường là từ 5 đến 7 công. Phum có tên gọi riêng, thường là gọi theo tên của một người đàn ông có thật đã sáng lập ra phum, cũng có lúc là tên gọi của một đàn bà chủ phum (Mê phum). Thí dụ: phum Tà Hoạt, phum Tà Thu, phum Tà Doanh Âm, phum Tà Châu, phum X'ây Dây Thơm (phum Bà Thơm), phum Tà Sơn Sen... Tên gọi của phum được thay thế khi người chủ phum đó mất, truyền lại chức Mê phum cho một người nào đó trong phum và tên phum lại được gọi theo tên người chủ phum mới. Ngoài ra, còn có loại tên gọi của phum liên quan tới vị trí địa lý hay một sự tích nào đó như: phum Đôn Nay (phum Thiêu người chết), phum Chông Pri (phum Ngọn Rừng), phum Chọt Trô ca (phum Hẻm cây gạo), phum Srah Prók (phum Giếng Tiên Nam)²...

¹ Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.29.

² Nguyễn Khắc Cảnh (1998), *Phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.53.

Việc quản lý phum do một người lớn tuổi có uy tín, bất kể là đàn ông hay đàn bà, thường gọi là “Mê phum”, có trách nhiệm chăm lo công việc nội bộ của phum và quan hệ với bên ngoài. Những công việc này thường nặng về các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo như cúng Neak Tà, cúng Arak, tổ chức lên chùa trong các ngày lễ, vận động các gia đình giúp đỡ lẫn nhau.v.v... Sinh hoạt trong phum mang tính chất cộng đồng và tự quản, vừa có quan hệ huyết thống, vừa có quan hệ láng giềng.

Srok (sóc) là đơn vị cư trú đồng thời là đơn vị xã hội hoàn chỉnh nhất của người Khmer mà mối quan hệ chủ đạo giữa các thành viên là quan hệ mang tính lãnh thổ, láng giềng.

Trong tiếng Khmer ý nghĩa của từ sóc cũng rất phong phú. Theo nghĩa rộng “srok” có nghĩa là xứ, là vùng (Ví dụ: Srok Khleang nghĩa là vùng kho, vùng hậu cứ, về sau được Việt hoá thành Sóc Trăng) hay Neak Tà Méchar srok: ông Tà chủ xứ), là địa phương (neak srok: người địa phương), là quê hương (rô lúc srok: nhớ quê hương). Sóc còn có nghĩa là vùng quê, miệt vườn để phân biệt với vùng đô thị (srok skê vùng quê, miệt vườn). Ở Campuchia, “srok” là đơn vị hành chính tương đương cấp huyện. Nhưng ở người Khmer Tây Nam Bộ, “srok” chỉ một đơn vị cư trú đồng thời là đơn vị xã hội tự quản truyền thống, tương tự như làng của người Việt, hoặc “buôn”, “plei” của một số dân tộc Tây Nguyên³.

Các sóc thường trải dọc theo các giồng đất, tùy quy mô giồng lớn hay nhỏ, dài hay ngắn, rộng hay hẹp mà có sự cư trú khác nhau, mỗi giồng đất là một sóc hoặc hai, ba sóc. Thường mỗi sóc chiếm một khúc giồng. Giữa các sóc có qui định ranh giới rõ rệt theo qui ước của dân các sóc với nhau. Ranh giới đó có thể là rặng tre xanh bao bọc, có thể là một con đường mòn cắt ngang giồng, cũng có thể là một khoảng đất hẹp hoặc có thể lấy mốc là một cây cổ thụ lâu năm. Ở vùng Sóc Trăng, Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long nơi cư trú cổ xưa nhất của người Khmer, thường giữa sóc là một con đường cái lớn chạy thẳng từ đầu giồng đến cuối giồng, hai bên là những dãy nhà của các phum, hướng nhà quay mặt ra đường cái lớn. Tùy theo giồng rộng hay hẹp mà có nhiều hay ít các lớp nhà như vậy. Cắt ngang con đường cái lớn là những con đường nhỏ, phân chia ranh giới giữa các phum với nhau, chạy ngang qua các lớp nhà phía sau ra tận đất ruộng. Ở vùng Trà Vinh, Vĩnh Long đơn vị sóc thường trùng với đơn vị hành chính là ấp hiện nay và qui mô của sóc khoảng từ hơn 100 hộ đến vài ba trăm hộ với số dân khoảng 700 - 1800 người.

³ Nguyễn Khắc Cảnh (1998), *Phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.79 – 80.

Ở một số vùng, do quá trình phát triển kinh tế xã hội, mỗi sóc ít nhiều đều xen kẽ với các gia đình người Việt, người Hoa, nên quan hệ huyết thống bị phai mờ, quan hệ láng giềng chiếm ưu thế.

Thông thường, sóc được xác định tương đối rõ ràng qua các ngôi chùa. Thường mỗi sóc có một ngôi chùa, cũng có sóc có hai ngôi chùa nhưng rất hiếm, ngược lại có vài ba sóc sinh hoạt chung một chùa. Ngôi chùa tiêu biểu cho bộ mặt của phum - sóc nên được xây dựng rất nguy nga, thoáng mát ở những vị trí tốt nhất.

Tên gọi của các sóc thường trùng với tên giồng, nếu một giồng có nhiều sóc thì tên sóc sẽ được gọi theo vị trí phương hướng của sóc. Ví dụ sóc Kandal (sóc Giữa), sóc Talêch (sóc Đông), sóc Chông phnô (sóc đầu giồng)... Có khi tên sóc lại được gọi theo một đặc điểm tự nhiên của vùng đó như sóc Chong clak (sóc Dừa nước), sóc Xăngke (sóc Trâm Bầu), sóc Kôsala (sóc cây cau), sóc Xoài srum (sóc Cây xoài sai quả) v.v... Trong nhiều trường hợp sóc lại được gọi theo một sự tích gắn liền với cư dân địa phương ở đó: sóc Srah Srei (sóc Giếng tiên nữ), sóc Srah Prók (sóc Giếng tiên nam), sóc Pen Săm prekh (sóc Lu đồng đen), sóc Khnách (sóc Vững voi năm), sóc Sầm đặc (sóc Vua) v.v... ngoài ra, ở nhiều nơi còn thường gặp những tên sóc như: sóc Thmei (Sóc Mới), sóc Srê (Sóc ruộng), đó là những sóc mới lập sau này hoặc những sóc tách ra và tụ cư ngay ở trên ruộng (để phân biệt với sóc nằm ở trên giồng)⁴.

Sóc là một đơn vị xã hội tự quản với bộ máy điều hành mà ngày nay dấu vết của nó còn lưu lại qua khái niệm “Mê srok” (Mẹ sóc) như là người đứng đầu sóc mà người Việt gọi là chủ làng. Giúp việc cho Mê sóc là một Ban quản trị của sóc do dân trong sóc lựa chọn bầu ra. Các thành viên của Ban quản trị đảm nhận những công việc cụ thể của sóc như: giữ gìn an ninh trật tự của sóc, phân phối nước làm mùa, lo việc hôn nhân, ma chay... những người này hợp thành một tổ chức gọi là Kamka Srok (Ban quản trị sóc). Bên cạnh đó, mỗi chùa thường có Ban quản trị chùa (Kamka-Wat) có vai trò rất quan trọng trong đời sống của cộng đồng người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.

Mê sóc thường là người đàn ông đứng tuổi, am hiểu phong tục tập quán dân tộc, biết chữ và có kinh nghiệm trong ứng xử, có khả năng quan hệ ngoại giao với bên ngoài, nhưng trước hết phải là người có uy tín trong nhân dân, được nhân dân kính trọng, vị nể, và được sự tín

⁴ Nguyễn Khắc Cảnh (1998), *Phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.100-101.

nhệm của các con sóc (dân sóc) bầu chọn. Thường Mê sóc xuất thân từ những Acha trong sóc (Acha có thể là thầy giáo, thầy thuốc). Acha cũng là người đã qua thời gian tu hành tại chùa và có học vấn nhất định, họ là những trí thức ở nông thôn Khmer. Khá nhiều Mê sóc là Acha dạy học trong sóc Khmer.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức quản lý hành chính của Nhà nước đã thay thế hệ thống quản lý xã hội cổ truyền nên các “Mê sóc” và Ban quản trị sóc dần dần trở thành cán bộ của xã, ấp vùng nông thôn Khmer. Tuy nhiên ảnh hưởng của các thiết chế xã hội cổ truyền vẫn chi phối cuộc sống hàng ngày của đồng bào Khmer.

Đối với các thành viên trong phum sóc, ngoài trách nhiệm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân, họ còn phải thực hiện theo đúng các lễ nghi, phong tục, tập quán của người Khmer. Trong cộng đồng phum sóc phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Tất cả các thành viên đều có trách nhiệm bảo vệ danh dự của phum sóc. Đối với xã hội, phải xây dựng quan hệ đoàn kết, thân thiện. Đối với ngôi chùa, phải công tâm, tích phước, thực hiện nghĩa vụ đóng góp xây dựng một cách tự nguyện.

Dân trong sóc có trách nhiệm xây dựng và bảo tồn ngôi chùa của sóc. Các hoạt động nghi lễ trong các ngày lễ, tết cũng được tập trung tại chùa, thông qua đó duy trì phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa của dân tộc mình. Ngoài các nghi lễ tôn giáo, người dân trong sóc còn có trách nhiệm thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng dân gian như cúng Neak Tà, Arak phum v.v...

Đối với người Khmer Tây Nam Bộ, ngôi chùa mang một tình cảm rất sâu sắc. Một người Khmer khi sinh ra lớn lên rồi về già cho đến lúc chết mọi buồn vui của cuộc đời đều gắn bó với ngôi chùa. Chùa là biểu tượng tinh thần của cộng đồng dân cư cũng như đối với từng cá nhân trong sóc. Việc đóng góp công sức, tiền của xây dựng chùa là việc làm công đức, là con đường chắc chắn đưa tới sự giải thoát (theo tinh thần Phật giáo tiểu thừa). Vì vậy, người Khmer sẵn sàng đóng góp tiền của, công sức để xây dựng ngôi chùa khang trang, lộng lẫy, trong khi họ chấp nhận sống nghèo túng trong những căn nhà tranh lụp xụp. Mỗi khi cần tu sửa, trùng tu hoặc xây dựng chùa mới, sự cả cùng với Ban quản trị chùa bàn bạc kế hoạch thống nhất và thông báo đến từng người dân trong sóc. Chùa Khmer là một công trình kiến trúc đồ sộ, tốn kém nhiều tiền bạc, công sức và thường thì phải thi công trong một thời gian dài mới hoàn thành, nhưng nhân dân vẫn sẵn sàng đóng góp một cách tự nguyện với tấm lòng sùng kính Phật.

Tổ chức xã hội truyền thống của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long

Do đạo Phật ảnh hưởng rất lớn trong sinh hoạt xã hội của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long nên *tầng lớp sư sãi và trí thức Khmer có vị trí đặc biệt trong quan hệ xã hội, ảnh hưởng mạnh và chi phối sâu sắc đời sống kinh tế - xã hội của người Khmer*. Sư sãi và trí thức Khmer bao gồm các chức sắc sư sãi và các tín đồ Phật giáo đang tu hành ở các chùa chiền. Theo quy định của giáo lý Phật giáo tiểu thừa Khmer, mọi người con trai Khmer phải tu ở chùa một thời gian nên đã tạo ra tầng lớp sư sãi khá đông đảo. Các chùa chiền và sư sãi Khmer được tổ chức quản lý chặt chẽ và có ban quản trị chăm lo những hoạt động tôn giáo của nhân dân trong phum sóc. Tầng lớp này sống nhờ vào sự đóng góp của nhân dân và được nhân dân sùng bái, quý trọng. Mặc dù họ không trực tiếp tham gia sản xuất và quản lý, nhưng tiếng nói và những ý kiến của họ có ý nghĩa quan trọng đối với việc điều hành những sinh hoạt của phum sóc. Ngày nay, số lượng sadi đã ít đi và sư sãi có chiều hướng hoạt động xã hội tích cực hơn. Họ tham gia vào các công việc ở địa phương như làm thủy lợi, tổ chức sinh hoạt văn hóa, giáo dục, tham gia lao động sản xuất trên đất ruộng nhà chùa.

Tầng lớp trí thức ở vùng nông thôn Khmer bao gồm những người am hiểu giáo lý Phật giáo, các vị chức sắc đã hoàn tục, các giáo viên ở nông thôn được học trường chùa và một số có bằng cấp tiếng Việt, Pháp, các vị Acha, Maha là những người thông hiểu văn hóa, tập tục truyền thống của người Khmer. Phần đông trí thức Khmer tham gia sản xuất. Các vị Acha, Maha, Krou là những người có kinh nghiệm về sản xuất nông nghiệp, biết dự đoán về thời tiết, lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi... Chính vì vậy, tầng lớp trí thức gắn liền với nông thôn, với sản xuất nông nghiệp và họ được nhân dân Khmer hết sức kính trọng, yêu mến. Họ là niềm tự hào của đông đảo nhân dân Khmer. Tầng lớp trí thức Khmer đã đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ và phát triển văn hóa, giáo dục truyền thống của dân tộc Khmer, đồng thời họ hăng hái tham gia kháng chiến, động viên nhân dân trong các phong trào đấu tranh cách mạng ở nông thôn và xây dựng quê hương hôm nay.

Trong *quan hệ hôn nhân*, đa số người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long thường lấy vợ lấy chồng ở cùng một địa phương, gần nhất là cùng phum, sóc hoặc cùng xã. Một hiện tượng tương đối phổ biến là các cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa người Khmer với người Việt hoặc người Hoa

thậm chí có gia đình Khmer có cả ba dòng máu trên. Nam nữ thanh niên Khmer đến tuổi trưởng thành được tự do yêu nhau, không bị cha mẹ hay quy định dòng tộc ràng buộc. Trong xã hội cổ truyền của người Khmer, anh em họ có thể được kết hôn với nhau nhất là từ thế hệ thứ hai trở đi. Nhiều gia đình giàu có còn khuyến khích họ hàng lấy nhau, sống tập trung trong một khu vực để bảo vệ dòng họ và cái chính là giữ cho của cải không bị san sẻ ra ngoài. Sau khi kết hôn, đôi vợ chồng trẻ có thể cư trú theo bên chồng hoặc bên vợ trong đó hình thức cư trú bên vợ phổ biến hơn⁵.

Cơ cấu gia đình của người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là gia đình nhỏ, tức là gia đình có một vợ, một chồng và các con cái, giữ vai trò cơ bản. Bên cạnh đó, còn có gia đình mở rộng từ 3 đến 4 thế hệ, thường thấy trong cấu trúc gia đình của các phum thân tộc.

Trong những thập kỷ gần đây, do tác động của những yếu tố kinh tế - xã hội, đặc biệt nhất là kinh tế hàng hoá và kinh tế hộ gia đình trong nông nghiệp, gia đình nhiều thế hệ ngày càng thu nhỏ về qui mô và tính ổn định của nó cũng bị phá vỡ nhanh chóng hơn khi nhu cầu hình thành gia đình nhỏ diễn ra cấp bách. Nhiều người đã tách ra, lập gia đình ở riêng trên đất ruộng của bên nội hay bên ngoại chia cho, cách xa phum - sóc trên đất giồng. Xu hướng này ngày càng phát triển, vì ở riêng trên đất ruộng, họ có điều kiện chăn nuôi trồng tía rau màu, cây ăn quả, đào ao thả cá... thuận lợi hơn.

Trong gia đình, người chồng hay người cha là người chủ. Tuy nhiên, vai trò của người đàn ông trong gia đình Khmer chủ yếu là lao động sản xuất nông nghiệp và giao dịch với bên ngoài, tiếp đón khách. Nhưng đối với tất cả các công việc còn lại hầu như chồng và vợ đều có quyền bình đẳng như nhau. Công việc nội trợ chăm sóc, dạy dỗ con cái và quản lý chi tiêu trong gia đình thuộc người đàn bà (người vợ). Những công việc hệ trọng trong gia đình như mua bán, sắm sửa những thứ nhiều tiền, cưới gả con cái, làm phước vào chùa,... đều có sự bàn bạc thống nhất giữa vợ và chồng. Trong công việc giáo dục con cái, trong việc bảo vệ hạnh phúc gia đình và trong công việc lao động đồng áng thì người vợ ít khi vắng bóng mà nhiều khi còn tham gia với mức độ cao hơn chồng. Người vợ tham gia hết thảy mọi công việc đồng áng như cấy, nhổ cỏ, gặt hái, làm vườn, gánh nước, làm rẫy, nhổ mạ, đập lúa, tát nước, bở củi, bón phân.

⁵ Ngô Đức Thịnh (1984), *Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long là thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3, tr.38.

Nói chung người vợ là người thủ quỹ chính của gia đình. Quan hệ giữa vợ và chồng người Khmer khá bình đẳng, không khí gia đình hòa thuận, ít khi có xung đột. Sự bình đẳng này còn thể hiện ở chế độ sở hữu tài sản. Trong gia đình, ngoài tài sản chung do công sức hai vợ chồng làm ra trong thời gian chung sống, vợ và chồng đều có quyền sở hữu đất đai chung do sự phân chia của hai gia đình nội ngoại cho họ. Khi ly dị, tài sản riêng của ai thì người đó được giữ lại, còn tài sản chung thì chia đều. Mặc dù những yếu tố phụ hệ đã được xác lập và từng bước củng cố trong quan hệ gia đình và hôn nhân của người Khmer, nhưng những tàn dư của mẫu hệ vẫn tồn tại và chi phối đời sống của người Khmer. Đó cũng là một trong những đặc điểm xã hội đáng lưu ý của vùng nông thôn Khmer Tây Nam Bộ. Vị trí và vai trò của người đàn bà trong gia đình và xã hội người Khmer còn khá quan trọng. Tên gọi của những chức vị đứng đầu phum sóc đều bắt đầu từ chữ “Mê” (mẹ) như Mê phum, Mê sóc, Những vị thần trong tín ngưỡng dân gian Khmer các vị thần hộ mệnh gia đình (arak chuabua)... đều là nữ giới - Hồn lúa trong tín ngưỡng của người Khmer là một vị nữ thần, nhiều nghi lễ trong nông nghiệp do phụ nữ chủ trì. Người Khmer vẫn còn tục lệ ở rể trước khi về cư trú bên chồng hoặc ở riêng và khi ở riêng thường có tục lệ làm nhà trong khu đất thổ cư của cha mẹ vợ để trở thành một thành viên của phum bên vợ.

Trong gia đình Khmer, cha mẹ thật sự có quyền uy đối với con cái, nhưng trong sinh hoạt hằng ngày cũng như khi giải quyết những công việc quan trọng vẫn thường có mối thông cảm lẫn nhau giữa cha mẹ và con cái. Cha mẹ không phân biệt đối xử giữa con trai, con gái, trưởng, thứ, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể. Quyền thừa kế tài sản được chia đều cho các con. Chế độ đa thê có tồn tại ở người Khmer nhưng không phổ biến và thường là ở những người đàn ông giàu có⁶.

Đối với người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long việc ly hôn rất hãn hữu, nó chỉ xảy ra sau nhiều cố gắng dàn xếp mà vẫn không thành. Trong cả hai trường hợp kết hôn và ly hôn, ý kiến của người phụ nữ rất được tôn trọng, đôi khi là quyết định. Sau khi ly dị người phụ nữ không bị dư luận phê phán và họ có thể tái giá dễ dàng mà không gặp phải khó khăn như các dân tộc Hoa, Việt.

Về *quan hệ dòng họ*, phần lớn người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long mang các họ Danh, Sơn, Kim, Châu, Thạch, Lâm... Phụ nữ ở vùng

⁶ Phan An (1992), “Phum sóc Khmer trong cơ chế quản lý xã hội vùng dân tộc Khmer Nam Bộ”, *Những vấn đề xã hội học ở miền Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.146.

Kiên Giang họ là “Thị”, ở vùng An Giang lại là “NEANG” (Nàng). Những họ này xuất hiện từ giữa thế kỷ XIX, do nhà Nguyễn quy định. Trước đó, người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long không có họ như người Việt mà theo nguyên tắc phụ tử liên danh, lấy tên cha đặt làm họ còn tên riêng thì lấy những chữ tốt đẹp. Ví dụ như cha Uôn Tiêm, con Tiêm Phel và cháu Phel Sóc⁷

Trong cách tính dòng họ, một cá nhân không xem mình thuộc dòng họ bên cha hay bên mẹ mà tính theo cả hai phía. Do đó trong quan hệ họ hàng, không có sự phân biệt giữa bên cha hay bên mẹ, nội hay ngoại, mà quan niệm như nhau.

Trong quá trình cộng cư xen kẽ giữa các dân tộc Việt, Khmer, Hoa ở đồng bằng sông Cửu Long mối quan hệ dòng họ có sự biến đổi theo chiều hướng chuyển thành phụ hệ. Hiện nay, theo qui định của pháp luật, người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long lấy họ theo cha. Tuy nhiên, họ ở đây chỉ đơn thuần là một hình thức pháp lý chứ không có nghĩa hình thành một tộc họ bên nội như người Việt và người Hoa.

Người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long, từ lúc sinh ra cho đến khi trưởng thành, cưới vợ, lấy chồng rồi đến khi chết... tất cả những biến cố ấy hầu như đi kèm với nhiều lễ thức và tập tục, tuy hiện nay đã có giảm đáng kể. Đáng chú ý nhất là tục đi tu của người con trai Khmer vẫn được duy trì một cách nghiêm túc với quan niệm sau thời gian tu hành, khi hoàn tục sẽ là người có đức hạnh, có giáo dục và là một tiêu chuẩn để lấy vợ. Do đó cha mẹ phải có trách nhiệm khuyên răn con mình vào chùa tu học một thời gian. Hay trong quan niệm hôn nhân, đôi trai gái không được cưới xin tử tế theo đúng nghi thức cổ truyền thì người đó sẽ bị dư luận xã hội xem thường. Chính vì thế, đám cưới của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long diễn ra với nhiều nghi lễ phức tạp. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, việc tổ chức lễ cưới của người Khmer do ảnh hưởng nhiều lễ cưới của người Việt, Hoa nên đã giản lược nhiều. Ở nhiều nơi, đám cưới người Khmer giống người Việt nhưng có mời sư đến tụng kinh chúc phúc.

Kết luận

Cuộc sống cá nhân cũng phải trải qua lần lượt từ tuổi này đến tuổi khác và từ công việc này sang việc khác, từ địa vị này sang địa vị khác.

⁷ Nguyễn Khắc Cảnh (1998), *Phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.58.

Trong mỗi thời điểm phân cách giữa các tuổi và cả giữa các công việc sự chuyển tiếp đó đều có kèm theo những hành động đặc biệt. Bên cạnh đó, chu kỳ sống của con người (chu kỳ sinh học) nó bao gồm những lễ tục và nghi lễ về sinh nở, tuổi thơ ấu, khi trưởng thành thì về mặt xã hội, đính hôn, kết hôn, thai nghén, làm cha mẹ, thụ pháp vào các tổ chức tôn giáo, tang ma. Mỗi cá nhân đều không thể hoạt động độc lập mà nó có gián tiếp đến cuộc sống của con người, vũ trụ. Chỉ có những giai đoạn và quá trình chuyển tiếp, những bước tiến lên và có những giai đoạn chúng ta tưởng như nó dừng lại nhưng thực chất, lúc đó nó cũng chuyển tiếp nhưng không lớn, nên chúng ta khó nhận biết được.

Tài liệu tham khảo

1. Phan An (1992), “Phum sóc Khmer trong cơ chế quản lý xã hội vùng dân tộc Khmer Nam Bộ”, *Những vấn đề xã hội học ở miền Nam*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Vũ Minh Chi, (2004), *Nhân học văn hóa con người thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Khắc Cảnh (1998), *Phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. E.B.Tylor (2003), *Văn hóa nguyên thủy, (Culture primitive)*, Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
5. Emily A.Schultz – Robert H.Lavenda (2001), *Nhân học tình trạng quan điểm nhân sinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Garrick Bailey University of Tulsa; James peoples ohio Wesleyan University, (1999) Introduction to cultural anthropology, West/Wadworth an international Thomson Publishing Company.
7. Robert Layton (Phan Ngọc Chiến dịch) (2007), *Nhập môn lý thuyết nhân học*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (1984), “Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long là thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 3.
9. Victor W.Turner (2005), *Tình trạng nửa vùi: giai đoạn ngưỡng kích thích dưới trong các nghi lễ chuyển đổi*, Folklore: *Thế giới, một số công trình nghiên cứu cơ bản*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Victor W.Turner (1997), *Anthropology theory an Introductory history*, Mayfield Publishing Co, Mountain View, California, London - Toronto.
11. Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Trang điện tử: <http://www.nhanhoc.net>